TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 538/2024/DS-PT
Ngày: 14-6-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đ.T.H

Các Thẩm phán: Bà Ng.T.H

Bà Đ.H.P

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị K C – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 384/DSPT ngày 22/4/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán nợ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/1/2024, của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2392/2024/QĐXXPT-DS ngày 8 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 7089/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Kim O , sinh năm 1971; Địa chỉ: 15/18C N.T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc V1; Địa chỉ: Số 84 N.Q, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2023, tại Phòng công chứng H.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, sinh năm 1990; Địa chỉ liên lạc: 54/80 V.H.T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: 12 N.T.L, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 87/1/8 B.V.T, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/5/2023, có số công chứng 04012, Quyển số 05/2023/TP-SCC/HDGD do Văn phòng công chứng N lập; văn bản thay đổi ngày 27/5/2024).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 2004; HKTT: Số 14 N.T.T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc V1, Địa chỉ: Số 84 N.Q, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 31/5/2023 tại Phòng công chứng H)

3.2. Công ty TNHH mua bán nợ VTT: Trụ sở: Số 71/33 N.C.H, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn D – Giám đốc.

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: 56 N.H, Phường F, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng T2 và bà Phạm Thị Hải Y (Văn bản ủy quyền số:407/QĐ-CCTHADS ngày 13/6/2024 của Chi Cục Trưởng).

3.4. Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1961; Địa chỉ: C3/4 lầu 3 Chung cư 189 C.Q, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1959; Địa chỉ liên lạc: Số 2 Đ.S.B, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Ng:* Luật sư Lê Thành T4, Công ty Luật TNHH P. Địa chỉ: Số 2 Đ.S.B, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà O; bà D1; người đại diện ủy quyền ông V1, ông T1; bà Ng, ông T3; Luật sư T4, người đại diện Chi cục Thi hành án dân sự Quận B bà T2, bà Y – có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O và ông Ngô Quốc V1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Nguyên nhân phát sinh và quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ VTT: Ông Nguyễn Văn N1 và bà Hoàng Thị N2 là những người phải thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2003/CNTT-KTST ngày 16/5/2003, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và người được thi hành án là Ngân hàng S. Tài sản bảo đảm để thi hành án là căn nhà số 14 N.T.T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 20/6/2019, Ngân hàng S bán khoản nợ xấu phải thi hành án nói trên cho Công ty TNHH Mua bán nợ VTT (Sau đây viết tắt là Công ty VTT). Ngân hàng S có Văn bản số 121/TB-SCMPĐ.2020 ngày 09/09/2020 chuyển giao quyền và nghĩa vụ đòi nợ, quyền yêu cầu thi hành án đối với Quyết định nói trên cho Công ty VTT. Ông Nguyễn Văn N1 chết năm 2009. Bà Hoàng Thị N2 chết năm 2007. Bà Vũ Thị Kim O là con dâu của ông N1, bà N2. Vì muốn giữ lại căn nhà này làm nơi thờ cúng cha mẹ chồng, ông bà tổ tiên nên bà O đã bán nhà riêng của mình và vay mượn nhiều nơi để mua lại khoản nợ xấu này từ Công ty VTT theo Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020.

Để các con biết quý trọng tài sản của ông, bà và công sức của cha mẹ trong việc giữ gìn căn nhà không phải bị phát mãi nên bà O có đưa 02 con gồm: Nguyễn Hoàng V2 (sinh ngày 12/4/2004) là con ruột của bà O và Nguyễn Hoàng Ngọc D1 (con riêng của chồng bà O là ông Nguyễn Tiến D2) tham gia hợp đồng mua bán nợ lúc đầu. Toàn bộ số tiền mua bán nợ 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng là tiền riêng của bà O. Anh V và bà D1 không có bất kỳ khoản đóng góp, phụ trợ nào để mua nợ. Tuy nhiên, bà D1 sau đó đổi ý, không tiếp tục tham gia vào hợp đồng mua bán nợ với Công ty VTT. Bà D1 bị xúi giục, dụ dỗ, đe dọa, buộc phải bán căn nhà.

Ngày 11/10/2021, bà O thanh toán đợt cuối cùng cho bên bán nợ là Công ty VTT thì bà D1 từ chối không tham gia hợp đồng và không góp tiền để thanh toán. Sau đó, Công ty VTT xác nhận, chuyển giao quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án.

Ngày 12/10/2021, bên mua nợ (bao gồm chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1) có đơn rút yêu cầu thi hành án và làm việc trực tiếp với Chấp hành viên là anh Vũ Quang L nhưng được không chấp nhận, với lý do "cá nhân không được mua lại nợ xấu".

Ngày 13/10/2021, bà O có đơn khiếu nại gửi Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự Quận B và Viện kiểm sát nhân dân Quận B, khiếu nại ông L bằng việc viện dẫn Quyết định 42/2017/QH của Quốc hội và đề nghị công nhận tư cách người được thi hành án của bên mua.

Thấy giải thích sai nên ngày 25/10/2021, Chấp hành viên Vũ Quang L có mời đại diện của Công ty VTT và bên mua lên làm việc, ghi nhận việc mua bán nợ của các bên và yêu cầu bên mua "phải làm đơn yêu cầu thi hành án theo mẫu quy định" mới được công nhận tư cách Người được thi hành án. Ngay khi Cơ quan Thi hành án chấp nhận đơn ra quyết định thi hành án, chấp nhận tư cách người được thi hành án của bà O, bà D1 và anh V thì bên mua mới có quyền rút đơn, hoặc yêu cầu không tiếp tục thi hành án.

Ngày 29/10/2021, bà O mới có đơn yêu cầu thi hành án để được công nhận tư cách là "Người được thi hành án" rồi mới có quyền "rút đơn yêu cầu thi hành án" theo yêu cầu và hướng dẫn của Chấp hành viên Vũ Quang L. Liền sau đó, ngày 02/11/2021, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B ra liên tục 02 Quyết định:

+ Quyết định số 10/QĐCCTHADS thu hồi Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1286/QĐ-CCTHADS ngày 21/5/2021, đối với người được thi hành án trước đây là Công ty VTT,

+ Quyết định số 54/QĐ-CCTHADS thi hành án theo yêu cầu và chấp nhận tư cách người được thi hành án của bà O, bà D1 và anh V.

Ngay khi nhận Quyết định theo yêu cầu nói trên, ngày 03/11/2021, bà O và anh V có đơn yêu cầu không tiếp tục thi hành án. Tuy nhiên ngay sau đó chỉ 01 ngày, ngày 04/11/2021, Chấp hành viên L lại ra Thông báo số 1599/TB - CCTHADS thông báo về việc bán đấu giá tài sản. Sợ cơ quan Thi

hành án chưa nhận được đơn trước đó nên ngày 05/11/2021, bà O tiếp tục gửi Đơn yêu cầu không tiếp tục thi hành án.

Ngày 10/11/2021, Chấp hành viên Vũ Quang L có mời bên mua lên làm việc theo đó một trong 3 người được thi hành án là chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1 không đồng ý rút đơn. Bà O đã chứng minh bà D1 không tham gia hợp đồng mua bán nợ nên không có quyền yêu cầu thi hành án bằng Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán nợ ngày 10/10/2021.

Ngay sau đó bà O có đơn khởi kiện tại Tòa án Quận B, yêu cầu bác tư cách chủ thể của hợp đồng mua bán nợ và tuyên chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1 không có quyền về tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán nợ, kể cả quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 18/11/2021, Tòa án nhân dân Quận B ra Thông báo thụ lý vụ án số 612/TB-TLVA. Ngay khi nhận được Thông báo thụ lý nói trên, ngày 22/11/2021 bà O đã có Đơn đề nghị hoãn thi hành án, yêu cầu tạm dừng việc mua bán, chuyển dịch tài sản chờ kết quả giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật vì tài sản thi hành án đang bị tranh chấp và có gửi kèm bản sao y Thông báo thụ lý vụ án cho Chi cục THADS và VKSND Quận B. Tuy nhiên, Chi cục THADS Quận B lại căn cứ vào yêu cầu thi hành án của bà D1 bán tài sản bảo đảm là căn nhà số 14 N.T.T, Phường H, Quận B. Nay, Cơ quan này lại tiếp tục ra thông báo chia số tiền bán đấu giá cho bà D1.

2. Về nguồn gốc số tiền thanh toán cho Hợp đồng mua bán nợ: Toàn bộ số tiền thanh toán cho Hợp đồng mua bán nợ là 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng là tài sản của riêng bà O và do đi vay mượn riêng gồm:

+ Số tiền 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng từ việc bà O bán căn hộ (chuyển nhượng lại hợp đồng thuê mua căn hộ số B3-16 thuộc dự án C - số 181 C.T, Phường T, Quận M) với Công ty Cổ phần Địa ốc T.

+ Toàn bộ số tiền bà O tiết kiệm được trong quá trình kinh doanh tại Hộ kinh doanh cá thể Vũ Thị Kim O - số 14 N.T.T, Phường H, Quận B (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

+ Tại đợt thanh toán cuối cùng ngày 11/10/2021 với số tiền 1.600.000.000 (Một tỷ, sáu trăm triệu) đồng, bà O vay từ em trai của bà O là ông Hải. Vì vậy, bà O yêu cầu bà D1 cùng có trách nhiệm với số tiền thanh toán đợt cuối này, nhưng bà D1 không đồng ý và từ chối tham gia hợp đồng. Sao kê tài khoản từ Ngân hàng A của bà Vũ Thị Kim O cũng thể hiện: Trước khi ký hợp đồng mua bán nợ, "Số dư đầu kỳ - ngày 16/12/2019" là 3.643.398.502 VND và "Rút ra đến cuối kỳ - ngày 16/12/2021" là: 3.642.942.715 VND. Như vậy, số tiền trong tài khoản của bà O tại Ngân hàng A đủ để thanh toán cho Hợp đồng mua bán nợ và thực tế việc rút tiền cũng được diễn ra trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Do đó, yêu cầu Tòa công nhận cho bà Vũ Thị Kim O là người duy nhất được thụ hưởng các quyền về tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 được lập với Công ty VTT; tuyên chị

Nguyễn Hoàng Ngọc D1 không có bất kỳ quyền lợi nào phát sinh từ Hợp đồng mua bán nợ nói trên, cụ thể là quyền được yêu cầu thi hành án và quyền được chia tài sản thi hành án.

Bị đơn chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1 tại Đơn tường trình đề ngày 15/6/2023 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà O, bà D1 và em V đều là những người cùng tham gia vào Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 30/6/2020; cùng nhau đóng tiền để mua lại khoản nợ cụ thể như sau:

Cuối tháng 6/2020, bà D1 cùng bà O và em Nguyễn Hoàng V2 đã cùng nhau ký kết Hợp đồng số 002/VTT-MBN-20 với công ty mua bán nợ VTT để mua lại Quyền và chủ nợ của món nợ với giá là 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng.

Lần 1: Đầu tháng 7/2020, gồm bà O, bà D1, V cùng nhau thanh toán số tiền 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng). Bà D1 một nửa, bà O và em V một nửa.

- Lần 2: Cuối tháng 7/2020, bà O, bà D1, V đến thanh toán số tiền 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng). Bà D1 một nửa, bà O và em V một nửa.

- Lần 3: Giữa tháng 01/2021, một mình bà D1 đến thanh toán số tiền 300.000.000 VNĐ (Ba trăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền là của bà D1.

- Lần 4: Ngày 11/10/2021, bà O, bà D1, V thanh toán đợt cuối cùng, số tiền 1.600.000.000 VNĐ (Một tỷ, sáu trăm triêu đồng) là của bà O và em V; bà D1 có viết tay vào tờ biên nhận của bà O là "Tôi không tham gia quá trình mua bán 1.600.000.000 (Một tỷ, sáu trăm triệu) đồng trong số 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng".

Về nguồn gốc hợp đồng mua bán nợ: Ông Nguyễn Văn N1, bà Hoàng Thị N2 là ông bà Ngội của bà D1 được Nhà nước cấp căn nhà số 14 N.T.T để ở (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, đất ở). Trong quá trình sinh sống hai người đã thế chấp căn nhà này vay tiền vàng của Ngân hàng cho một trong những người con ruột mượn (không phải ông Nguyễn Tiến D2 ba bà D1). Ông D2 là con trai lớn cùng với vợ con sống cùng với ông bà tại căn nhà này.

Sau khi ông, bà mất (2007, 2009), thì ba bà D1 và các cô chú không chịu trách nhiệm đối với khoản nợ trên. Đến năm 2019, khi tình trạng sức khỏe của ba bà D1 yếu đi nên đồng ý cho bà D1 đứng ra thảo luận và thương thuyết với phía Ngân hàng. Sau khi thỏa thuận được với phía bên Ngân hàng, bà D1 báo lại nên ba đồng ý cho bà D1 và bà O cùng em V đứng ra ký kết hợp đồng mua bán nợ với Công ty VTT. Về phương thức thanh toán: Bà

O, bà D1 và em V đã thỏa thuận miệng và đồng thuận cùng nhau đi đóng tiền đã nêu trên.

Sau khi thanh toán lần thứ ba được 1.800.000.000 (Một tỷ, tám trăm triệu) đồng như đã thỏa thuận với bà O, bà D1 đã hoàn thành phần đóng góp của mình cho nên không tiếp tục tham gia góp vào phần 1.600.000.000 (Một tỷ, sáu trăm triệu) đồng sau cùng. Sau khi cả ba thanh toán xong nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 30/6/2020, thì Công ty VTT đã gửi cho ông D2 Công văn số 03/TB-VTT2.1 ngày 11/10/2021, về việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty VTT đối với khoản nợ và các quyền đối với tài sản đảm bảo khoản nợ. Từ cơ sở trên bà D1, bà O và em V đều có quyền và nghĩa vụ cùng với quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 30/6/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng V2 có ông Ngô Quốc V1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Đều thống nhất về mối quan hệ giữa bà O, bà D1, ông bà Ngội Nguyễn Văn N1, Hoàng Thị N2 và toàn bộ ý kiến trình bày của bà O (mẹ anh V) về quá trình cho bà D1, anh V có trách nhiệm với tài sản của ông bà tạo lập nên đưa vào đứng tên chung cùng với bà O - làm Bên mua trong Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 với Công ty VTT. Thống nhất toàn bộ số tiền thanh toán cho Hợp đồng mua bán nợ là 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng là tiền của riêng bà O. Vì anh V lúc này là học sinh, chưa đủ tuổi thành niên, không có thu nhập. Bà D1 là lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập. Anh V và bà D1 không có bất kỳ đóng góp nào trong việc mua bán nợ nói trên nên anh Nguyễn Hoàng V2 thống nhất với ý kiến cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và anh V không có bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến Hợp đồng mua bán nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Mua bán nợ VTT trình bày: Ngày 20/6/2019, Công ty VTT đã mua khoản nợ ông Nguyễn Văn N1 (CMND số 022756270) - bà Hoàng Thị N2 (CMND số 022079973) từ Ngân hàng S theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/MBN-VTT-SCB. Ngày 09/9/2020, Ngân hàng S đã có thông báo chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan của món nợ này sang Công ty VTT số 121/TB-SCBPĐ.20.00. Ngày 30/6/2020, Công ty VTT đã ký hợp đồng bán nợ số 002/VTT-MBN-20 để bán món nợ trên cho bên mua gồm 3 người là bà Vũ Thị Kim O , chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1 và anh Nguyễn Hoàng V2 với giá mua bán món nợ là 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng.

Ngày 06/7/2020, bên mua đại diện bởi bà O và bà D1 đã thanh toán số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Ngày 20/7/2020, bên mua đại diện bởi bà O và bà D1 đã thanh toán số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ngày

15/01/2021, bên mua đại diện bởi bà D1 đã thanh toán số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Ngày 11/10/2021, bên mua đại diện bởi bà O, bà D1 và anh V thanh toán đợt cuối cùng là 1.600.000.000 (Một tỷ, sáu trăm triệu) đồng. Cùng ngày, hai bên cùng ký thanh lý hợp đồng mua bán nợ này và Công ty VTT ký thông báo chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan của món nợ này sang cho bên mua gồm 03 người là bà O, bà D1 và anh V. Về vấn đề liên quan đến nội bộ bên mua trong việc xử lý quyền lợi và nghĩa vụ của khoản nợ đã giao dịch này, Công ty VTT xin không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự Quận B tại Văn bản số 1043/CCTHADS ngày 23/5/2023 có ý kiến:

Liên quan đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 612.1/TB-TA ngày 04/5/2023: Ngày 13/12/2021, Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B đã ban hành Công văn số 1885/CCTHADS về cung cấp tài liệu chứng cứ theo Quyết định số 272/2021/QĐ-CCTLCC ngày 01/12/2021 của Tòa án Quận B. Theo đó, Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B (Sau đây viết tắt Chi cục THADS Quận B) đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ (bản sao) theo danh sách tài liệu đính kèm được nêu tại Công văn số 1885/CCTHADS ngày 13/12/2021.

Ý kiến của Chi cục THADS Quận B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo: Liên quan đến việc thụ lý thi hành Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định ủy thác thi hành án số 1175/QĐ-THA ngày 16/3/2009 của THADS Thành phố Hồ Chí Minh nay là Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/8/2022, Chi cục THADS Quận B đã có Công văn số 2583/CCTHADS gửi Tòa án Quận B trao đổi việc thi hành án phục vụ theo yêu cầu tại Thông báo số 156/TB-TLVA ngày 15/6/2022 của Tòa án Quận B về việc thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D2 (địa chỉ:14 N.T.T, Phường H, Quận B). Nay tiếp theo nội dung nêu tại Công văn số 2583/CCTHADS ngày 15/8/2022, Chi cục THADS Quận B thông tin kết quả thi hành án đối với Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003 của TAND TP. Hồ Chí Minh như sau:

Do người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tài sản không tự nguyện thi hành việc giao tài sản theo quyết định, thông báo của Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên mặc dù đã được động viên, thuyết phục nhiều lần. Để bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm, căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012, của Bộ tư pháp và Bộ Công an quy định về phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự và được sự chấp thuận của Ban chỉ đạo THADS Quận B, ngày 11/5/2023, THADS Quận B đã phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức cưỡng chế có huy động lực lượng để tổ chức giao nhà đất 14 N.T.T, Phường H, Quận B cho người mua trúng đấu giá và đang thực hiện các thủ tục theo quy định để xử lý tiền bán tài sản.

Về việc Tòa án nhân dân Quận B thụ lý vụ án *"Tranh chấp hợp đồng mua bán nợ"* giữa nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O và bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, Chi cục THADS Quận B đề nghị xem xét và giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ kết quả phán quyết của Tòa án, Chi cục sẽ kết hợp tổ chức việc thi hành án cùng với Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003 của TANĐ TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Chi cục THADS Quận B đề nghị được vắng mặt trong các buổi triệu tập, buổi họp hòa giải, xét xử để giải quyết vụ án của TAND Quận B.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Ng và ông Nguyễn Quốc T3 tại Bản tự khai ngày 01/6/2023:

Vào năm 2003, cha mẹ ông, bà là ông Nguyễn Văn N1, bà Hoàng Thị N2 có khoản nợ phải thi hành án với Ngân hàng T (nay là Ngân hàng S) theo Quyết định số 53 ngày 16/5/2003 của TAND TP. Hồ Chí Minh. Năm 2007, bà N2 chết. Năm 2009, ông N1 chết. Cha mẹ ông bà đều không để lại di chúc. Ba người con của ông N1, bà N2 gồm Nguyễn Tiến D2, Nguyễn Thị Hồng Ng và Nguyễn Quốc T3 là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất, thừa kế quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án ông N1, bà N2.

Về vấn đề khai nhận di sản: Sau khi cha mẹ chết, cả ba anh em chưa khai nhận di sản được, vì nhà đất ở số 14 N.T.T chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi ra công chứng khai nhận di sản đều bị các Công chứng viên từ chối. Ông T3, bà Ng cũng không hề từ chối khai nhận di sản vì cho đến nay ông, bà chưa hề có bất cứ Văn bản từ chối nhận di sản nào được công chứng, chứng nhận. Thế nhưng từ năm 2009 đến khi thực hiện xong việc thi hành án, ông T3, bà Ng không hề được THADS Quận B xác định tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ thi hành án để được tham gia thi hành án bằng bất kỳ văn bản nào. Do đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông bà, cụ thể:

- Vì không có tư cách tham gia thi hành án nên THADS Quận B cũng không hề mời ông, bà tham gia bất kỳ một buổi làm việc nào với người được thi hành án để làm việc, thương lượng, giải quyết việc thì hành án.

- Ông, bà cũng không được mời, không được biết, không được thông báo tham gia, chứng kiến về việc kê biên tài sản nhà đất số 14 N.T.T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để biết quá trình đấu giá có công khai, minh bạch, hợp pháp hay không.

Đến khi nhà đất của cha mẹ để lại đã bị Chấp hành viên Chi cục THADS Quận B bán đấu giá xong vào ngày 02/12/2021, mới được biết (mặc dù ông bà vẫn ở Việt Nam, có nơi thường trú, cư trú rõ ràng). Ông T3, bà Ng được biết trước đó, bà Vũ Thị Kim O (vợ ông Nguyễn Tiến D2 - anh ruột ông, bà) đã bán nhà riêng của mình và vay mượn nhiều nơi để mua lại khoản nợ xấu này từ Công ty VTT theo Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 (trước đó Công ty VTT mua lại khoản nợ của Ngân hàng S).

Bà O và các con đã gửi các đơn yêu cầu không thi hành án, yêu cầu rút yêu cầu về việc thi hành án gửi cho Chi cục THADS Quận B, nhưng không hiểu lý do gì Chi cục THADS Quận B vẫn cố ý bán đấu giá tài sản nhà đất của cha mẹ ông T3, bà Ng mà không hỏi ý kiến, không mời ông, bà lên làm việc. Đến khi bà O có tranh chấp với cháu Diệp về tư cách để xác định ai là người có quyền yêu cầu thi hành án và đã có đơn khởi kiện ra Tòa có Thông báo thụ lý vụ án số 612/TB-TLVA ngày 18/11/2021. Bà O đề nghị Chi cục THADS Quận B tạm dừng việc thi hành án để chờ kết quả giải quyết của Tòa án về việc xác định ai là người có quyền với tài sản (số tiền mua bán nợ), mới làm cơ sở xác định ai là người có quyền yêu cầu thi hành án/rút yêu cầu thi hành án. Nhưng, Chi cục THADS Quận B vẫn không tạm dừng việc thi hành án mà vẫn quyết tâm bán đấu giá đến cùng nhà đất cha mẹ để lại.

Ngày 02/11/2021, Chi cục THADS Quận B ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 54/QĐ-CCTHADS, xác lập tư cách người được thi hành án của bà O, Diệp, V (trẻ chưa thành niên, có bà O là người đại diện theo pháp luật). Tại quyết định thi hành án này, cũng không xác định, không đưa những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người thi hành án là ông Nguyễn Tiến D2, bà Nguyễn Thị Hồng Ng, ông Nguyễn Quốc T3 mà lại xác định người phải thi hành án là ông Nguyễn Văn N1, bà Hoàng Thị N2 đã chết từ lâu (2007, 2009), đồng thời trong quá trình thi hành án từ năm 2009 đến nay, anh trai ông bà là ông D2 đã trình bày với Chi cục THADS Quận B là ông N1, bà N2 có tất cả 3 người con – là đồng thừa kế. Nhưng, tại thời điểm này, Chấp hành viên vẫn không đưa ông, bà làm người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án là tiếp tục cố ý truất quyền thừa kế hợp pháp của ông, bà.

Tự ý bác bỏ đến cùng tư cách của người phải thi hành án của ông T3, bà Ng là vi phạm nghiêm trọng quy định về thi hành án, vì không đưa những người nào phải thi hành án thì làm sao họ có thể thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình, trong đó có quyền được thỏa thuận, thương lượng với người được thi hành án? Giả sử nếu Chi cục THADS Quận B làm đúng quy định, đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N1, bà N2 vào tham gia thi hành án trong giai đoạn này thì gia đình ông, bà đã tự thương lượng được với nhau, sẽ không dẫn đến sự việc đau lòng như ngày hôm nay. Vì mục đích ngay từ đầu của anh em ông, bà là vay mượn trả nợ để giữ lại nhà đất. Ông L - Chấp hành viên trình bày ông Nguyễn Quốc T3 có ký vào 02 (hai) giấy tờ về thi hành án là Biên bản giao nhận ngày 11/6/2021 và ngày 05/11/2021. Tuy nhiên, ông T3 xác định chỉ đến khi Chi cục THADS Quận B bán đấu giá cho người mua trúng đấu giá thì mới biết được sự việc và đã khiếu nại sự việc nêu trên. Lần đầu tiên ông, bà đến Chi cục THADS Quận B làm việc là vào ngày 17/12/2021 và trình bày là những người thừa kế theo pháp luật của ông N1, bà N2, nhưng từ đầu đến khi bán đấu giá xong, Chi cục THADS Quận B không đưa ông bà vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của ông, bà.

Tại thời điểm ông L cho rằng ông T3 ký vào các giấy tờ thi hành án ngày 11/6/2021, là thời điểm bùng phát dịch Covid-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện việc phong tỏa, hạn chế đi lại, các cơ quan cũng rất hạn chế việc tiếp công dân. Ông T3 cũng không hề nhận được các giấy tờ nào liên quan đến thi hành án (vì nếu có ông, bà cũng đã khiếu nại chứ không phải ngồi im đến tháng 12/2021 để bị bán phát mãi nhà đất trái pháp luật như vậy). Do đó, ông T3 khẳng định từ khi thi hành án đến ngày 17/12/2021, đều không nhận được bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến việc cưỡng chế, kê biên, bán phát mãi nhà đất của cha mẹ để lại; không ký bất kỳ giấy tờ giao nhận nào từ chấp hành viên Vũ Quang L. Ông T3 nghi ngờ có việc làm giả, cắt dán, scan chữ ký ông T3 của Chi cục THADS Quận B và đã đề nghị Chi cục trưởng Chi cục THADS Quận B tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông T3 trong Biên bản giao nhận ngày 11/6/2021, nhưng không xem xét, giải quyết mà chỉ dựa vào lời trình bày của Chấp hành viên để bác bỏ yêu cầu của ông, bà. Sau khi Chấp hành viên tổ chức bán đấu giá thành, sự việc được ông, bà phát hiện và đã gửi rất nhiều đơn từ đến các cơ quan để được xem xét, giải quyết, kiểm tra, thanh tra toàn bộ hồ sơ để giải quyết yêu cầu của ông bà, là đề nghị hủy kết quả bán đấu giá nhưng Chi cục THADS Quận B không kiểm tra, xem xét, không cho tiếp cận hồ sơ thi hành án.

Do đó, ông, bà đề nghị Tòa: Không công nhận cho Nguyễn Hoàng Ngọc D1 là người có quyền yêu cầu thi hành án trong vụ việc thi hành án của cha mẹ ông bà; Công nhận chỉ bà Vũ Thị Kim O là người duy nhất có các quyền về tài sản đối với Hợp đồng mua bán nợ ngày 07/6/2020 với công ty VTT.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024, của Tòa án nhân dân Quận B đã Quyết định (Tóm tắt): Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O :

- Công nhận toàn bộ số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng đã thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ VTT để mua nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020, là của bà Vũ Thị Kim O. Bà O là chủ thể mua nợ duy nhất được hưởng các quyền về tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nợ nói trên.

- Chị Nguyễn Hoàng Ngọc D1 không có tư cách chủ thể mua nợ của Hợp đồng mua bán này (bao gồm quyền được thi hành án và quyền được chia tài sản thi hành án).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ Thi hành án.

Ngày 15/01/2024, bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 có đơn kháng toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận B và ngày 26/4/2024 kháng cáo bổ sung. Với lý do: Bản án không trung thực ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và tài sản của người kháng cáo và yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Công nhận bà D1 có

quyền về phần quyền và tài sản phát sinh theo tỷ lệ số tiền đã đóng góp là 1.050.000.000 đồng để đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024, của Tòa án nhân dân Quận B và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hai nội dung chính: Không giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến quá trình tổ chức thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003, của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh về các nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hủy bỏ phần nhận định nêu tại mục [2.3.2] của Bản án số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận B (tại trang 24 đến trang 28). Lý do trái quy định pháp luật và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động tổ chức thi hành án dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B nói riêng và hoạt động tổ chức thi hành án của ngành Thi hành án dân sự nói chung, gây ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, danh dự của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án. Đề nghị giải quyết vụ án theo hướng công nhận bà O, bà D1 được thụ hưởng các quyền về tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nợ số 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020, với Công ty VTT theo tỷ lệ đóng góp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngày 18/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận B có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS. Kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024, của Tòa án nhân dân Quận B, vì đã nhận định toàn bộ số tiền 3.400.000.000đ mua bán khoản nợ tại Hợp đồng mua bán nợ số: 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 với Công ty VTT là của bà Vũ Thị Kim O thanh toán và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O là chưa phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, gây thiệt hại cho quyền lợi của bà D1. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng xác định bà O, bà D1 và anh V là những người đứng ra mua nợ của Công ty VTT, trong đó anh V (con bà O) còn nhỏ tuổi (sinh năm 2004) thừa nhận không có đóng góp. Trong tổng số tiền thanh toán mua nợ 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn tram triệu) đồng, bà D1 xác nhận không tham gia thanh toán trong đợt 4 số tiền 1.600.000.000 (Một tỷ, sáu tram triệu) đồng. Vì sau khi thanh toán lần thứ ba được 1.800.000.000 (Một tỷ, tám tram triệu) đồng như đã thỏa thuận với bà O, bà D1 đã hoàn thành phần đóng góp của mình nên không tham gia.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn có cung cấp xác nhận số dư tại Ngân hàng A trong một số tháng vào năm 2016 - 2020 với số tiền mở và đóng tài khoản tổng cộng 386.000.000 đồng; giải trình tài liệu chứng cứ bổ sung. Nguyên đơn cung cấp giấy chuyển tuyến điều trị bệnh tại Bệnh viện ung Bướu.

Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 không rút kháng cáo. Nhưng nguyên đơn bà O và bị đơn Diệp; ông V1 (Đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Hoàng V2) đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận như sau: Toàn bộ số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng đã thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ VTT để mua nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 với Công ty VTT là của bà Vũ Thị Kim O , bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, anh Nguyễn Hoàng V2, trong tổng số tiền trên phần tiền của bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 đã đóng là 725.000.000 (Bảy trăm hai mươi lăm triệu) đồng tương ứng tỷ lệ 21,3%; số tiền còn lại 2.675.000.000 (hai tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là của bà Vũ Thị Kim O , anh Nguyễn Hoàng V2 đóng tương ứng tỷ lệ 78,7% nên bà O, anh V và bà D1 là chủ thể mua nợ được hưởng các quyền về tài sản phát sinh tương ứng với số tiền đã đóng từ hợp đồng mua bán nợ nêu trên.

Ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B: Vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung và yêu cầu tại đơn kháng cáo nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ phần nhận định từ trang 14 đến trang 28 của Bản án sơ thẩm về trình tự, thủ tục thi hành Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì nhận định này là vượt quá thẩm quyền của Tòa án sơ thẩm và không đúng pháp luật. Vì Chi cục Thi hành án dân sự Quận B đã tổ chức thi hành án Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003 là hoàn toàn đúng quy định của Luật Thi hành án. Chấp nhận yêu kháng cáo của bị đơn bà D1.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn; anh V đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B theo hướng như trên. Do nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 298 BLTTDS, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 18/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận B. Kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B không có cơ sở chấp nhận. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 18/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân Quận B, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ, căn cứ khoản 2 Điều 289 BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị.

Về thời hạn kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1; Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, nộp đơn kháng cáo và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Về quan hệ tranh chấp: Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến phản bác của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện *"Tranh chấp hợp đồng mua bán nợ"* là đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 18/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân Quận B, căn cứ khoản 2 Điều 289 BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O ; bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng V2 (có ông Ngô Quốc V1 đại diện ủy quyền) đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Toàn bộ số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng đã thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ VTT để mua nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020 với Công ty VTT là của bà Vũ Thị Kim O, bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, anh Nguyễn Hoàng V2. Trong tổng số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 đã đóng 725.000.000 (Bảy trăm hai mươi lăm triệu) đồng tương ứng tỷ lệ 21,3%; số tiền còn lại 2.675.000.000 (Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là của bà Vũ Thị Kim O, anh Nguyễn Hoàng V2 đóng tương ứng tỷ lệ 78,7% nên bà O, anh V và bà D1 là chủ thể mua nợ được hưởng các quyền về tài sản phát sinh tương ứng với số tiền đã đóng từ hợp đồng mua bán nợ nêu trên.

Từ nội dung thỏa thuận này, Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận của bà O, anh V và bà D1 về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này và sửa bản án dân sự sơ thẩm do có tình tiết mới.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, không có cơ sở chấp nhận, Vì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024, của Tòa án nhân dân Quận B không quyết định bất cứ nghĩa vụ nào của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B trong việc việc thi hành Quyết định số 53/CNTT-KTST ngày 16/5/2003, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, theo

quy định tại Điều 309 "sửa bản án sơ thẩm"; Điều 310 "Hủy …một phần bản án sơ thẩm…" của BLTTDS, không có quy định sửa, hủy phần nhận định của bản án sơ thẩm.

[2.3] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí: Theo các Điều 147, 148 BLTTDS; khoản 2, 3 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Án phí dân sự sơ thẩm: Tranh chấp của các đương sự thuộc tranh chấp về hợp đồng liên quan đến quyền sở hữu tài sản, nghĩa vụ chịu án phí thuộc trường hợp không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và các bên không thỏa thuận về án phí nên xác định lại án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận: Bà O, anh V phải liên đới chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và bà O tự nguyện nộp thay anh V nên được khấu trừ với số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006668 ngày 18/11/2021, Của Chi Cục Thi hành án Dân sự Quận B và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng còn thừa 49.850.000 (bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng ; bà D1 phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng .

Án phí phúc thẩm: Do thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0002495 ngày 15/01/2024; Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009127 ngày 06/2/2024 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, Điều 118, khoản 1 Điều 119; Điều 385, khoản 3 Điều 402, các Điều 422, Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/5/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ các Điều 27, Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 18/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân Quận B. Không chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024, của Toà án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O, bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng V2 cụ thể như sau:

1. Toàn bộ số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng đã thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ VTT để mua nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 002/VTT-MBN-20 ngày 06/7/2020, với Công ty VTT là của bà Vũ Thị Kim O, bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1, anh Nguyễn Hoàng V2. Trong tổng số tiền 3.400.000.000 (Ba tỷ, bốn trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 đã đóng 725.000.000 (Bảy trăm hai mươi lăm triệu) đồng tương ứng tỷ lệ 21,3%; số tiền còn lại 2.675.000.000 (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là của bà Vũ Thị Kim O, anh Nguyễn Hoàng V2 đóng tương ứng tỷ lệ 78,7% nên bà O, anh V và bà D1 là chủ thể mua nợ được hưởng các quyền về tài sản phát sinh tương ứng với số tiền đã đóng từ hợp đồng mua bán nợ nêu trên.

Các đương sự có quyền thi hành án về tài sản nêu trên theo quy định pháp luật tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Kim O phải chịu số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, khấu trừ với số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006668 ngày 18/11/2021, của Chi Cục Thi hành án Dân sự Quận B và được hoàn trả lại số tiền 49.850.000 (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ngọc D1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0002495 ngày 15/01/2024; Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009127 ngày 06/2/2024 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hòa